MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: *20/1/2022*

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,465.30	411.80
% Thay đổi	1.56%	0.61%
KLGD (CP)	785,761,705	87,560,572
GTGD (tỷ đồng)	22,433.70	2,426.17
Tổng cung (CP)	1,875,468,600	99,390,700
Tổng cầu (CP)	1,697,034,400	116,651,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	37,451,300	199,343
KL mua (CP)	33,817,600	915,010
GT mua (tỷ đồng)	1,327.11	32.60
GT bán (tỷ đồng)	1,478.21	11.16
GT ròng (tỷ đồng)	(151.10)	21.44

Tương quan cung cầu HOSE

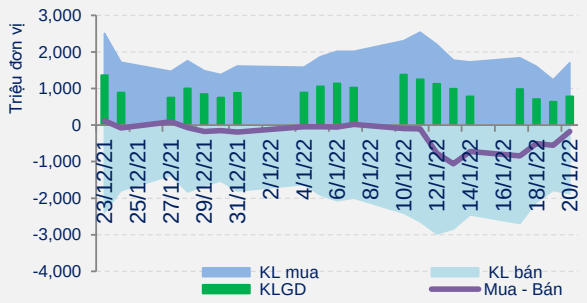

Giá trị Giao dịch NDTNN HOSE

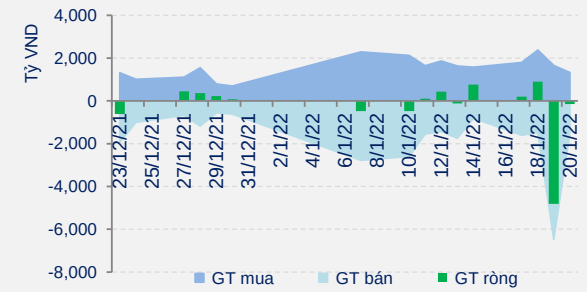

Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	1.37%	21.9	3.5	0.8%
Công nghiệp	3.22%	23.5	3.2	20.4%
Dầu khí	0.12%	19.9	2.1	2.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	-0.27%	-	9.7	2.5%
Dược phẩm và Y tế	0.88%	15.9	2.5	0.3%
Hàng Tiêu dùng	0.91%	22.1	3.9	8.6%
Ngân hàng	1.95%	12.3	2.1	17.8%
Nguyên vật liệu	1.87%	10.0	2.4	9.1%
Tài chính	1.13%	21.0	3.3	36.6%
Tiện ích Cộng đồng	2.08%	17.4	2.8	1.8%
VN - Index	1.56%	17.2	3.0	
HNX - Index	0.61%	22.8	4.1	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Phiên đáo hạn của hợp đồng tương lai VN30 tháng 1/2022 đã diễn ra tương đối tích cực. Mặc dù áp lực bán đã gia tăng trong phiên ATC nhưng dòng tiền mua vào trong phiên hôm nay đã hoàn toàn thắng thế trước bên bán giúp các chỉ số đại diện thị trường hồi phục khá tốt. Cụ thể, VN-Index tăng 22,51 điểm (+1,56%) lên 1.465,3 điểm. Độ rộng thị trường được cải thiện lên tích cực với 368 mã tăng (73 mã tăng trần), 32 mã tham chiếu, 109 mã giảm (8 mã giảm sàn). Nhóm cổ phiếu bất động sản và xây dựng sau chuỗi giảm sàn trước đó đã được giải cứu trong phiên hôm nay giúp cho nhiều mã thoát khỏi giá sàn và thậm chí một số mã còn tăng trần như DIG (+6,9%), CEO (+9,8%), LDG (+6,8%), DXG (+6,9%), ITA (+6,9%), DRH (+6,8%), SCR (+6,9%), TCH (+6,9%), HQC (+6,9%), AGG (+6,9%), FIT (+6,6%), HDC (+7%), HAR (+6,9%), FCN (+6,8%), HBC (+6,9%), SZC (+6,9%), LCG (+6,9%), C4G (+14,7%), L14 (+10%)... Tuy nhiên, vẫn còn một số mã thuộc nhóm trên tiếp tục đà giảm sàn CII (-6,9%), FLC (-6,9%), QCG (-7%), VRC (-6,9%), ROS (-6,9%)... Dòng tiền chảy vào nhóm ngân hàng giúp nhóm này tăng mạnh và động lực chủ yếu giúp thị trường hồi phục. Đầu tầu của nhóm ngân hàng là BID (+7%) tăng trần. Bên cạnh đó, nhiều mã ngân hàng khác cũng tăng mạnh như SHB (+5,9%), CTG (+3,8%), STB (+2,7%), SSB (+2,6%), MBB (+2%), VBB (+1,8%), PGB (+1,8%), NVB (+1,7%), BVB (+1,5%), MSB (+1,3%), VPB (+1,3%)... Cổ phiếu chứng khoán cũng hồi phục với một số mã tăng trần APS (+10%), ORS (+6,8%), TVB (+6,9%), còn lại đều tăng mạnh SSI (+1,1%), VND (+1,6%), SHS (+2,4%), VCI (+3,8%), VIX (+3,2%), HCM (+0,5%), ART (+2%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau ba phiên liên tiếp test lực cầu trong vùng hỗ trợ 1.400-1.450 điểm (đáy tháng 12/2021) thì chỉ số VN-Index đã chính thức đóng cửa trên vùng giá này, qua đó phát ra tín hiệu về một đợt hồi phục có thể xảy ra. Nhờ hai phiên hồi phục liên tiếp này thì tâm lý nhà đầu tư đã được cải thiện. Tuy nhiên, tâm lý nghỉ Tết sớm rõ ràng đã xuất hiện trên thị trường biểu hiện qua việc thanh khoản khớp lệnh 5 phiên liên tiếp dưới mức trung bình. Với việc vượt qua được ngưỡng tâm lý 1.450 điểm thì hiện tại chúng tôi đang nghiêng về khả năng thị trường có thể tiếp tục đà hồi phục này trong phiên giao dịch cuối tuần để hướng đến vùng kháng cự tiếp theo trong khoảng 1.475.1-490 điểm (MA20-50). Nhà đầu tư đã tham gia bắt đáy trong phiên 12/1 và đã gia tăng tỷ trọng cổ phiếu trong phiên 18/1 có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và có thể gia tăng thêm tỷ trọng cổ phiếu nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1.400-1.450 điểm trong phiên tiếp theo để nhằm hướng đến sóng tăng của thị trường có thể diễn ra sau kỳ nghỉ Tết. Theo thống kê, điều này đã diễn ra 5/6 lần trong giai đoạn 2016-2021 (ngoại trừ năm 2020 thị trường giảm do Covid-19).

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 20/1/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.432,58 điểm. Nhưng từ giữa phiên sáng trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần trong phiên chiều, với mức cao nhất trong phiên tại 1.469,08 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 22,51 điểm (+1,56%) lên 1.465,3 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: BID tăng 3.050 đồng, CTG tăng 1.300 đồng, VHM tăng 1.000 đồng. Ở chiều ngược lại, VIC giảm 800 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 397,49 điểm. Nhưng lực cầu gia tăng từ giữa phiên chiều giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 413,36 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 2,49 điểm (+0,61%) lên 411,8 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO tăng 5.100 đồng, L14 tăng 31.700 đồng, SCG tăng 8.300 đồng. Ở chiều ngược lại, THD giảm 18.800 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 155,72 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,2 triệu đơn vị. NVL là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 121,9 tỷ đồng tương ứng với 1,5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là NLG với 113,5 tỷ đồng tương ứng với 2,2 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HPG là mã được mua ròng nhiều nhất với 52,8 tỷ đồng tương ứng với 1,3 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 21,12 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 716 nghìn cổ phiếu. SHS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 7,5 tỷ đồng tương ứng với 180 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 5,8 tỷ đồng tương ứng với 201,5 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, THD là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 4,8 tỷ đồng tương ứng với 27 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:

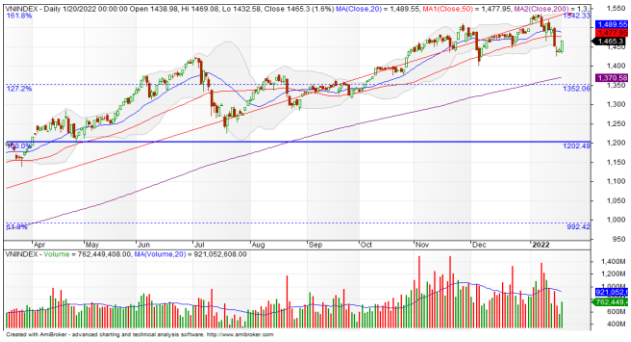

VN-Index hồi phục phiên thứ hai liên tiếp với mức tăng khá tốt với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy là tâm lý nghỉ Tết sớm đang hiện hữu trên thị trường trong bối cảnh chỉ còn 6 phiên giao dịch nữa là đến kỳ nghỉ Tết.

Góc nhìn kỹ thuật là lý thuyết sóng elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên hồi phục khá tốt này (+1,6%) thì chỉ số VN-Index đã thoát ra được khỏi trong vùng hỗ trợ trong khoảng 1.400-1.450 điểm (tương ứng với đáy của chỉ số vào tháng 12/2021). Vùng kháng cự tiếp theo của chỉ số này được xác định trong khoảng 1.475-1.490 điểm (MA20-50) có thể được thử thách trong phiên tới.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 20/1, chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng đến vùng kháng cự tiếp theo trong khoảng 1.475-1.490 điểm (MA20-50).

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng trở lại thì chỉ số VN-Index cũng có thể test lại vùng hỗ trợ trong khoảng 1.400-1.450 điểm tương ứng với đáy tháng 12/2021.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Đẩy mạnh đầu tư 3 lĩnh vực để đạt mức tăng trưởng cao năm 2022

Để phấn đấu đạt mức tăng trưởng cao từ 7-7,5% năm 2022, Hà Nội sẽ đầu tư mạnh vào 3 lĩnh vực: Nâng cấp hệ thống y tế, nhất là y tế cơ sở, y tế dự phòng; phát triển giáo dục - đào tạo; tập trung phát triển văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị di tích...

TIN TRONG NƯỚC	
Giá vàng trong nước đi ngang	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 61,1 - 61,7 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 300.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 19 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 20/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.100 VND/USD, giảm 19 đồng so với hôm qua.
TIN QUỐC TẾ	
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 2,25 USD/ounce tương ứng với 0,14% xuống 1.840,95 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,005 điểm tương ứng 0,01% lên 95,505 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1355 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3628 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 114,31 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,66 USD/thùng tương ứng với 0,77% xuống 85,13 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 19/1, Dow Jones giảm 339,82 điểm tương đương 0,96% xuống 35.028,65 điểm. Nasdaq giảm 166,64 điểm tương đương 1,15% xuống 14.340,25 điểm. Nasdaq Composite giảm 44,35 điểm tương đương 0,97% xuống 4.532,76 điểm.

KLGD và VN-Index trong phiên

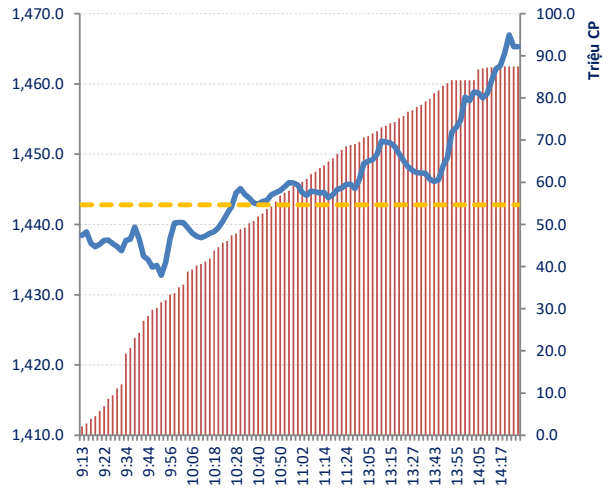

KLGD và HNX-Index trong phiên

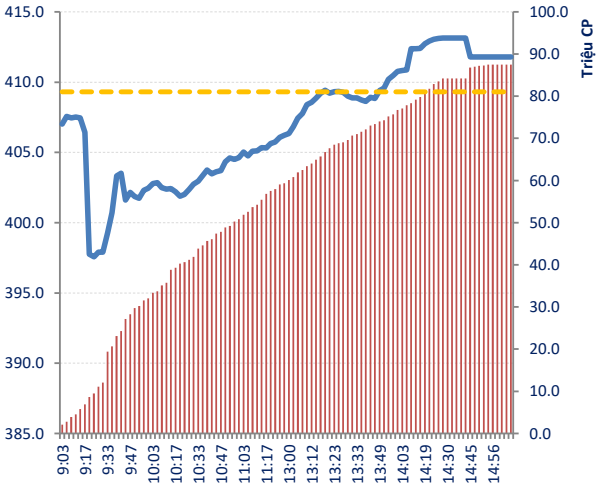

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

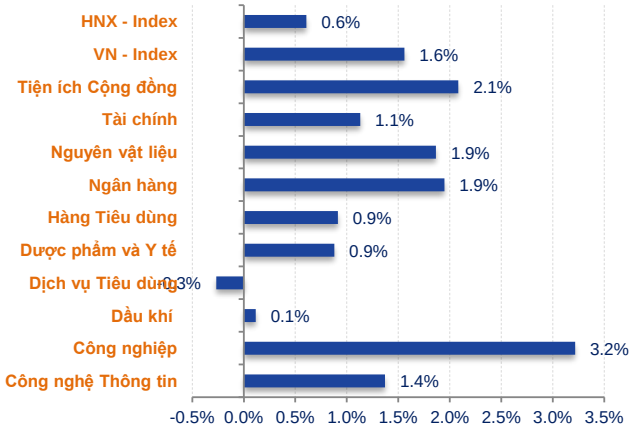

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

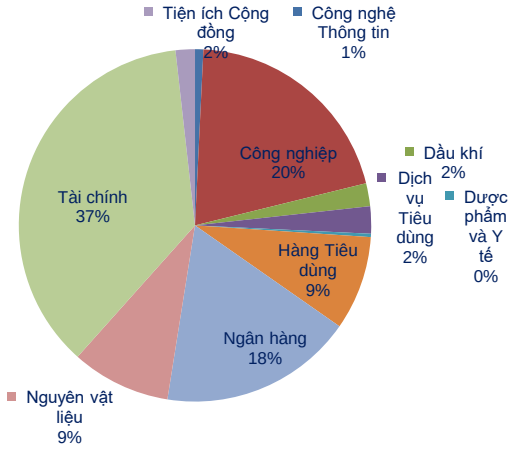

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

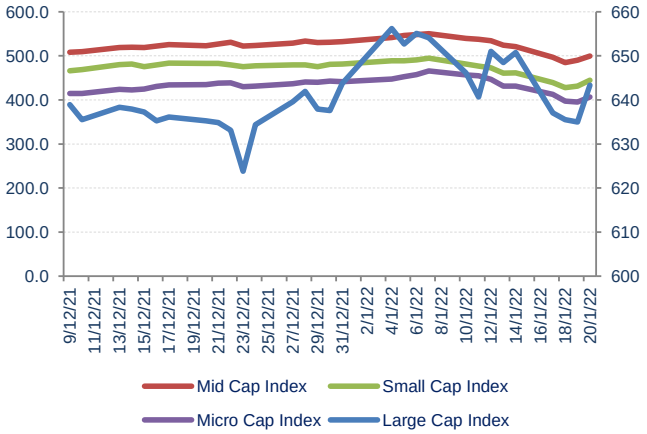

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

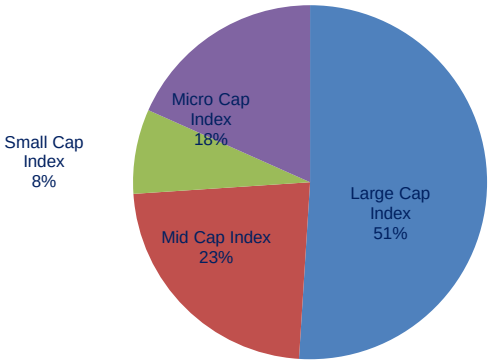

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	1,473,200	NLG	2,151,100
2	HPG	1,318,900	NVL	1,536,600
3	HDB	894,000	STB	1,429,400
4	TCH	654,600	CII	865,200
5	SHB	559,300	SSI	581,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	201,500	THD	27,000
2	SHS	180,000	TIG	21,000
3	BVS	72,000	OCH	20,000
4	TNG	63,600	DTD	10,000
5	PVI	51,700	IVS	10,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	13.00	12.10	-6.92%	42,901,500
CII	36.80	34.25	-6.93%	39,854,000
LDG	17.70	18.90	6.78%	33,408,400
HAG	13.90	13.40	-3.60%	31,633,300
STB	32.90	33.80	2.74%	31,453,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
CEO	51.90	57.00	9.83%	11,359,839
KLF	5.80	6.00	3.45%	6,793,814
PVS	28.70	28.50	-0.70%	5,916,963
SHS	41.50	42.50	2.41%	4,705,511
VIT	27.00	24.50	-9.26%	4,347,635

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VPH	15.00	16.05	1.05	7.00%
CRC	10.00	10.70	0.70	7.00%
PXI	6.29	6.73	0.44	7.00%
MCG	8.01	8.57	0.56	6.99%
HID	9.58	10.25	0.67	6.99%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TOT	11.40	14.80	3.40	29.82%
TTZ	6.00	6.60	0.60	10.00%
SMT	13.00	14.30	1.30	10.00%
SCG	83.00	91.30	8.30	10.00%
PMP	14.00	15.40	1.40	10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DGW	110.20	102.50	-7.70	-6.99%
QCG	15.10	14.05	-1.05	-6.95%
ROS	9.09	8.46	-0.63	-6.93%
FLC	13.00	12.10	-0.90	-6.92%
CII	36.80	34.25	-2.55	-6.93%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HMR	20.00	18.00	-2.00	-10.00%
TPH	10.00	9.00	-1.00	-10.00%
THD	188.00	169.20	-18.80	-10.00%
DAE	29.10	26.20	-2.90	-9.97%
LDP	42.30	38.10	-4.20	-9.93%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

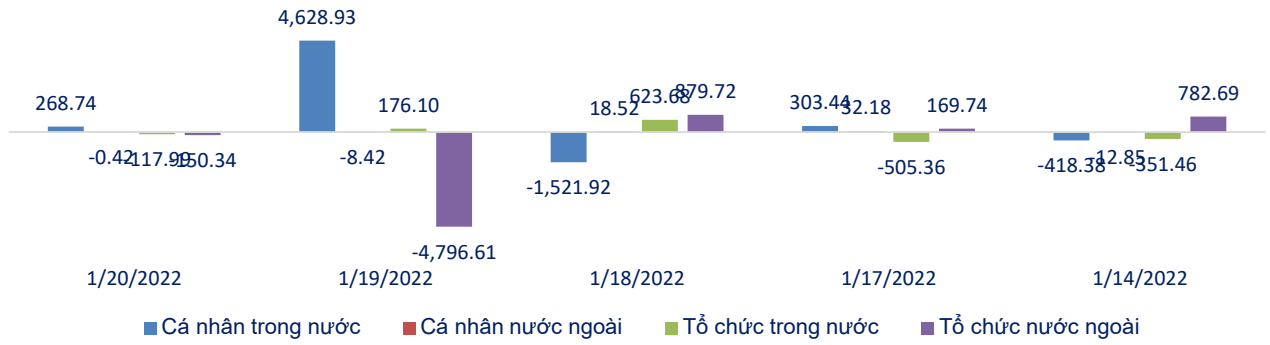

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	138.83	7.9%	1,577	50.7	2.9
NLG	121.30	13.6%	4,155	12.4	1.4
GAB	94.29	1.1%	120	1,623.3	16.6
KBC	92.44	6.0%	1,498	36.0	2.0
CII	47.72	0.5%	177	208.3	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-178.44	8.4%	2,032	72.6	5.4
CTG	-75.31	18.1%	3,439	9.8	1.7
VND	-49.50	19.6%	2,095	31.8	3.4
GEX	-39.26	8.6%	1,754	21.2	1.5
MWG	-34.12	24.6%	6,071	22.0	5.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDC	6.11	26.2%	3,957	19.5	4.8
DIG	4.86	13.1%	1,486	52.4	6.5
OCB	3.02	23.9%	3,308	7.8	1.4
HHV	2.70	3.9%	1,083	-	-
MSN	2.34	8.4%	2,032	72.6	5.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CII	-12.09	0.5%	177	208.3	1.3
VHM	-6.08	38.3%	8,968	8.7	2.8
FLC	-3.63	13.1%	1,967	6.6	0.9
NVL	-1.84	7.9%	1,577	50.7	2.9
BCM	-1.57	10.6%	1,702	42.7	4.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	152.33	8.4%	2,032	72.6	5.4
GEX	48.37	8.6%	1,754	21.2	1.5
VND	36.89	19.6%	2,095	31.8	3.4
MWG	34.12	24.6%	6,071	22.0	5.1
FPT	33.41	20.4%	4,436	19.9	3.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GAB	-94.16	1.1%	120	1,623.3	16.6
HPG	-88.62	44.7%	7,085	6.1	2.3
KBC	-78.56	6.0%	1,498	36.0	2.0
NBB	-46.79	28.3%	6,108	6.4	2.0
PHR	-31.63	21.0%	5,034	15.7	3.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	59.30	44.7%	7,085	6.1	2.3
CTG	47.50	18.1%	3,439	9.8	1.7
GAS	29.76	16.9%	4,384	24.4	4.1
HDB	25.31	20.7%	2,812	10.3	1.6
MSN	23.76	8.4%	2,032	72.6	5.4

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-119.82	7.9%	1,577	50.7	2.9
NLG	-113.23	13.6%	4,155	12.4	1.4
STB	-45.88	11.1%	1,864	17.6	1.9
DGW	-39.75	31.6%	4,739	23.3	6.7
SSI	-26.95	13.0%	1,405	32.2	3.3

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	42,901,500	13.1%	1,967	6.6	0.9
CII	39,854,000	3250.0%	177	208.3	1.3
LDG	33,408,400	1.0%	134	132.2	1.4
HAG	31,633,300	-18.4%	(1,220)	-	2.6
STB	31,453,900	11.1%	1,864	17.6	1.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	11,359,839	-4.7%	(606)	-	4.1
KLF	6,793,814	0.1%	6	954.4	0.6
PVS	5,916,963	4.6%	1,238	23.2	1.0
SHS	4,705,511	25.5%	3,013	13.8	2.1
VIT	4,347,635	11.6%	1,610	16.8	2.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VPH	7.0%	-0.1%	(9)	-	1.4
CRC	7.0%	4.2%	401	25.0	0.8
PXI	7.0%	-20.3%	(1,667)	-	0.9
MCG	7.0%	-8.9%	(409)	-	2.1
HID	7.0%	-14.0%	(1,615)	-	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TOT	29.8%	14.2%	1,561	-	-
TTZ	10.0%	-2.7%	(243)	-	0.7
SMT	10.0%	3.7%	443	29.3	1.1
SCG	10.0%	23.2%	2,952	28.1	6.6
PMP	10.0%	11.3%	1,730	8.1	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	1,473,200	18.1%	3,439	9.8	1.7
HPG	1,318,900	44.7%	7,085	6.1	2.3
HDB	894,000	20.7%	2,812	10.3	1.6
TCH	654,600	5.6%	1,043	20.0	0.9
SHB	559,300	17.8%	2,095	9.2	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	201,500	4.6%	1,238	23.2	1.0
SHS	180,000	25.5%	3,013	13.8	2.1
BVS	72,000	7.7%	1,877	18.9	1.2
TNG	63,600	17.8%	2,725	11.0	1.8
PVI	51,700	13.2%	4,290	10.7	1.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	410,782	20.4%	4,464	19.4	2.9
VIC	364,540	2.9%	1,111	86.3	2.3
VHM	337,899	38.3%	8,968	8.7	2.8
BID	220,805	12.0%	1,975	22.1	2.0
GAS	204,793	16.9%	4,384	24.4	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	65,800	25.2%	4,694	40.0	11.4
KSF	29,250	8.8%	746	130.7	4.9
IDC	19,410	11.8%	1,805	35.8	4.1
VCS	16,992	41.5%	11,163	9.5	3.6
BAB	16,569	8.3%	964	22.8	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	5.81	2.1%	292	82.7	1.7
NBB	5.20	28.3%	6,108	6.4	2.0
DIG	5.19	13.1%	1,486	52.4	6.5
SGR	5.06	-1.9%	(237)	-	2.3
CII	5.05	0.5%	177	208.3	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.84	9.9%	475	21.7	2.0
L14	2.95	13.6%	1,987	159.9	19.3
L18	2.87	4.5%	683	67.7	3.3
CEO	2.87	-4.7%	(606)	-	4.1
VC7	2.74	3.3%	285	62.1	1.6

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiển
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn